





Khẩu phần cả ngày tại trường của trẻ NT đạt được	669		1376.51	739.24	1450.66	574.95	5845.57	15407	36.60				
			2,115.75		2,025.61		5,845.57	15407	36.60				1,517,000
Khẩu phần của trẻ cả ngày tại trường theo khuyến nghị	600	651	13-20%		30-40%		47-50%	37000	30.3				
			>_ 60%		>_ 70%								
Tỉ lệ các chất theo cơ cấu đạt được			65%	35%	72%	28%		42%	121%				
		100%	17%		36%		47.1%						

**Nhận xét:**

Khẩu phần năng lượng (Kcal) đảm bảo so với nhu cầu khuyến nghị, các món ăn đa dạng phong phú

Các chất cung cấp năng lượng khẩu phần (P:L:G) đảm bảo nhu cầu khuyến nghị

\* Nhu cầu Caxi đạt tỷ lệ 42% so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

\* Nhu cầu B1 đạt tỷ lệ 121% nhu cầu khuyến nghị so với nhu cầu khuyến nghị thừa

**NGƯỜI LẬP**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Phương Thảo**

**Trần Thị Dự**





Khẩu phần cả ngày tại trường của trẻ NT đạt được	700		2029.38	671.65	1844.76	283.86	6462.57	15992	45.19				
			2,701.03		2,128.62		6,462.57	15992	45.19				1,640,000
Khẩu phần của trẻ cả ngày tại trường theo khuyến nghị	600	651	13-20%		30-40%		47-50%	40000	32.8				
			>_ 60%		>_ 70%								
Tỉ lệ các chất theo cơ cấu đạt được			75%	25%	87%	13%		40%	138%				
		100%	20%		34%		47%						

**Nhận xét:**

Khẩu phần năng lượng (Kcal) đảm bảo so với nhu cầu khuyến nghị, các món ăn đa dạng phong phú

Các chất cung cấp năng lượng khẩu phần (P:L:G) đảm bảo nhu cầu khuyến nghị

\* Nhu cầu Caxi đạt tỷ lệ 40 % so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

\* Nhu cầu B1 đạt tỷ lệ 138 % nhu cầu khuyến nghị so với nhu cầu khuyến nghị thừa

**NGƯỜI LẬP**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Phương Thảo**

**Trần Thị Dự**





Khẩu phần cả ngày tại trường của trẻ NT đạt được	670		1769.51	918.23	1964.15	360.52	7066.97	17736	48.25				
			2,687.74		2,324.67		7,066.97	17736	48.25				1,824,500
Khẩu phần của trẻ cả ngày tại trường theo khuyến nghị	600	651	13-20%		30-40%		47-50%	44500	36.5				
			>_ 60%		>_ 70%								
Tỉ lệ các chất theo cơ cấu đạt được			66%	34%	84%	16%		40%	132%				
		100%	18%		34%		47.6%						

**Nhận xét:**

Khẩu phần năng lượng (Kcal) đảm bảo so với nhu cầu khuyến nghị, các món ăn đa dạng phong phú

Các chất cung cấp năng lượng khẩu phần (P:L:G) đảm bảo nhu cầu khuyến nghị

\* Nhu cầu Caxi đạt tỷ lệ 40 % so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

\* Nhu cầu B1 đạt tỷ lệ 132% so nhu cầu khuyến nghị chưa đảm bảo

**NGƯỜI LẬP**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Phương Thảo**

**Trần Thị Dự**



Tên thực phẩm	Lượng TP sạch (g)	Năng lượng (Kcal)	Protein		Lipit (g)		Glucid (g)	Ca	B1	Thực phẩm cần mua 1 suất (g)	Thực phẩm ăn trong ngày (g)	Đơn giá	Số tiền
			P(ĐV)	P(TV)	L(ĐV)	L(TV)							
<b>BỮA CHIỀU</b>													
Gạo nếp	3080	10595.20		264.88		30.80	2294.60	924	3.08	35	3080	30.000	92,400
Thịt lợn nạc	3737.3	5194.90	710.09		261.61			261.61	3.364	43	3814	133.000	507,210
Ngô tươi	8.25	16.17		0.34		0.19	3.27	0.33	0.02	15	1320	22.000	29,040
Đậu xanh (hạt)	383	356.00		7.66		0.38	74.40	38.28	0.38	5	440	50.000	22,000
Hành khô	17.6	3.87		0.23			0.76	14.08	0.005	0.3	22.0	35.000	770
Dầu cá rancee	616	5544.00	0.00		431.20	184.8	0.00	12.32	0.123	7	616	69.000	42,504
Nước mắm	176	230.56	57.73					681.12	0.158	2	176	55.000	9,680
Muối i ốt	66							99		0.75	66	6.000	396
<b>Năng lượng bữa chính buổi chiều</b>		<b>21,940.70</b>	<b>767.82</b>	<b>273.10</b>	<b>692.81</b>	<b>216.17</b>	<b>2,373.03</b>	<b>2,031</b>	<b>7.14</b>	<b>108.34</b>	<b>9,533.61</b>	<b>400.00</b>	<b>704,000</b>
<b>Năng lượng bữa chính buổi trưa/ trẻ theo khuyến nghị</b>	233	300											
<b>% năng lượng bữa chính buổi chiều</b>	Thực đạt	25%											
	Dự kiến	25%-30%											
<b>BỮA PHỤ</b>													
Chuối tiêu	7150.00	6935.50		107.25		14.30	1587.30	572.00	2.86	125	11,000	20.000	220,000
<b>Năng lượng bữa phụ buổi chiều</b>		<b>6,935.50</b>	<b>0.00</b>	<b>107.25</b>	<b>0.00</b>	<b>14.30</b>	<b>1587.30</b>	<b>572.00</b>	<b>2.86</b>				<b>220,000</b>
<b>Năng lượng bữa phụ/ trẻ theo khuyến nghị</b>	47	100											
<b>% năng lượng bữa phụ</b>	Thực đạt	8%											
	Dự kiến	5%-10%											
			1641.73	759.69	1888.83	485.76	7317.68	7511.17	35.50				

Khẩu phần ăn ngày tại trường của

Khẩu phần cả ngày tại trường của trẻ NT đạt được	662		2,401.42		2,374.58		7,317.68	7,511	35.50				1,804,000
Khẩu phần của trẻ cả ngày tại trường theo khuyến nghị	600	651	13-20%		30-40%		47-50%	44000	36.1				
			>_ 60%		>_ 70%								
Tỉ lệ các chất theo cơ cấu đạt được			68%	32%	80%	20%		17%	125%				
		100%	16%		35%		49.0%						

**Nhận xét:**

Khẩu phần năng lượng (Kcal) hơi cao hơn so với nhu cầu khuyến nghị, các món ăn đa dạng phong phú

Các chất cung cấp năng lượng khẩu phần (P:L:G) đảm bảo nhu cầu khuyến nghị

\* Nhu cầu Caxi đạt tỷ lệ 17% so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

\* Nhu cầu B1 đạt tỷ lệ 125% nhu cầu khuyến nghị so với nhu cầu khuyến nghị thừa

**NGƯỜI LẬP**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Phương Thảo**

**Trần Thị Dự**



Tên thực phẩm	Lượng TP sạch (g)	Năng lượng (Kcal)	Protein		Lipit (g)		Glucid (g)	Ca	B1	Thực phẩm cần mua 1 suất (g)	Thực phẩm ăn trong ngày (g)	Đơn giá	Số tiền
			P(ĐV)	P(TV)	L(ĐV)	L(TV)							
<b>BỮA CHIỀU</b>													
Gạo tẻ thường	3400	11696.00		268.6		34	2580.60	1020.00	3.400	40	3400	18.000	61,200
Thịt gà tây ( nấu canh )	510.00	1111.80	102.51		78.03		0.00	122.40	0.306	6	510	85.000	43,350
Thịt gà tây ( kho )	2951.75	6434.82	593.30		451.62		0.00	708.42	1.771	35	2952	85.000	250,899
Nấm hương	153	387.09		49.57		5.508	32.28		0.245	2	170	275.000	46,750
Bí ngô	2231.25	379.31		31.24		4.46	53.55	1115.63	1.34	35	2975	22.000	65,450
Rau thơm	0.75	0.14		0.02		0.02	0.18	1.28	0.00	1	85	30.000	2,550
Hành khô	17	3.74		0.22			0.73	13.60	0.005	0.3	21.3	35.000	744
Dầu cá rancee	425	3825.00	0.00		297.50	127.5	0.00	8.50	0.085	5	425	69.000	29,325
Nước mắm	170	222.70	55.76					657.90	0.153	2	170	55.000	9,350
Muối i ớt	63.75							95.625		1	64	6.000	383
<b>Năng lượng bữa chính buổi chiều</b>		<b>24,060.59</b>	<b>751.57</b>	<b>349.65</b>	<b>827.15</b>	<b>171.49</b>	<b>2,667.34</b>	<b>3,743</b>	<b>7.30</b>				<b>510,000</b>
<b>Năng lượng bữa chính buổi trưa/ trẻ theo khuyến nghị</b>	233	300											
<b>% năng lượng bữa chính buổi chiều</b>	Thực đạt	28%											
	Dự kiến	25%-30%											
<b>BỮA PHỤ</b>													
Sữa bột Nuvi Grow	1471.15	7164.52	286.88		341.31		676.73	10004	0.81	17.3	1471.2	260.000	382,500
<b>Năng lượng bữa phụ buổi chiều</b>		<b>7,164.52</b>	<b>286.88</b>		<b>341.31</b>		<b>676.73</b>	<b>10004</b>	<b>0.81</b>				<b>382,500</b>
<b>Năng lượng bữa phụ/ trẻ theo khuyến nghị</b>	47	100											
<b>% năng lượng bữa phụ</b>	Thực đạt	8%											
	Dự kiến	5%-10%											
<b>Khẩu phần cá ngày tại trường của</b>			2003.11	768.74	1676.73	370.02	6722.85	19696	13.17				

Khẩu phần cá ngày tại trường của trẻ NT đạt được	665		2,771.84		2,046.75		6,722.85		19696		13.17						1,742,500	
Khẩu phần của trẻ cả ngày tại trường theo khuyến nghị	600		55335		13-20%		30-40%		47-50%		42500		34.9					
					>_ 60%		>_ 70%											
Tỷ lệ các chất theo cơ cấu đạt được					72%		28%		82%		18%				46%		38%	
			100%		20%		32%		48%									

Khẩu phần năng lượng (Kcal) đảm bảo so với nhu cầu khuyến nghị, các món ăn đa dạng phong phú

Các chất cung cấp năng lượng khẩu phần (P:L:G) đảm bảo nhu cầu khuyến nghị

\* Nhu cầu Caxi đạt tỷ lệ 48 % so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

\* Nhu cầu B1 đạt tỷ lệ 38% nhu cầu khuyến nghị so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

**NGƯỜI LẬP**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Phương Thảo**

**Trần Thị Dự**





Khẩu phần cả ngày tại trường của trẻ NT đạt được	672		1225.04	464.72	1199.38	221.61	4324.06	11208.65	35.39				
			1,689.76		1,420.99		4,324.06	11,208.65	35.39				1,127,500
Khẩu phần của trẻ cả ngày tại trường theo khuyến nghị	600	651	13-20%		30-40%		47-50%	27500	22.6				
			>_ 60%		>_ 70%								
Tỉ lệ các chất theo cơ cấu đạt được			72%	28%	84%	16%		41%	157%				
		100%	19%		34%		47%						

**Nhận xét:**

Khẩu phần năng lượng (Kcal) hơi cao hơn so với nhu cầu khuyến nghị, các món ăn đa dạng phong phú

Các chất cung cấp năng lượng khẩu phần (P:L:G) đảm bảo nhu cầu khuyến nghị

\* Nhu cầu Caxi đạt tỷ lệ 41 % so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

\* Nhu cầu B1 đạt tỷ lệ 157 % nhu cầu khuyến nghị so với nhu cầu khuyến nghị thừa

**NGƯỜI LẬP**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Phương Thảo**

**Trần Thị Dự**